TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HIỂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/DS-ST
Ngày 08-6-2018
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Ngọc Lâm.

Ông Võ Quốc Quân.

- Thư ký phiên toà: Ông Huỳnh Văn Lợi là Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Hiển.

Ngày 08 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2018/TLST- DS ngày 10 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Kiều O, sinh năm 1968 là chủ Doanh nghiệp tư nhân T; cư trú tại ấp P, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Trần Thị Kiều M, sinh năm 1990; cư trú tại số 20 ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Theo giấy ủy quyền số: 14/2018/GUQ-TQMCM ngày 21/5/2018.

- *Bị đơn:*

1. Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1984 (vắng mặt).

2. Chị Phạm Thị Diệu H, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại ấp C, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Doanh nghiệp tư nhân T và quá trình tố tụng tại Tòa án đại diện Doanh nghiệp tư nhân T trình bày: Ngày 06/01/2017, Doanh nghiệp tư nhân T có ký hợp đồng số: 51/2017/HĐKT-TQM với anh Nguyễn Duy T để làm đại lý bán sản phẩm thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú và các loại thuốc thủy sản do Doanh nghiệp tư nhân T kinh doanh với hình thức bán lại để hưởng chênh lệch giá nhưng không mở cửa hàng và đăng ký kinh doanh. Anh T được nhận chiếc khấu 4.000 đồng/kg và thỏa thuận đến ngày 25/12/2017 anh T phải thanh toán dứt điểm công nợ, nếu đến ngày 25/12/2017 anh Tài trả dứt nợ thì Doanh nghiệp tư nhân T sẽ chiếc khấu thêm cho anh T 1.500 đồng/kg, trường hợp không thanh toán đủ thì phần chiếc khấu sẽ bị mất và không được hưởng. Mặc dù, anh T là người ký hợp đồng với Doanh nghiệp T nhưng trên thực tế anh T và chị Phạm Thị Diệu H cùng nhau thực hiện hợp đồng. Ngày 28/11/2017, chị H trực tiếp ký đối chiếu công nợ nhưng vẫn không thanh toán và đến ngày 09/12/2017 anh T cam kết sẽ trả 500.000.000 đồng vào ngày 25/12/2017, số còn lại đến ngày 30/01/2018 trả đủ cho Doanh nghiệp tư nhân T nhưng đến nay vẫn không thực hiện.

Doanh nghiệp tư nhân T yêu cầu anh Nguyễn Duy T cùng vợ là chị Phạm Thị Diệu H có trách nhiệm trả số tiền còn thiếu 2.255.785.000 đồng, yêu cầu tính lãi do chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định đến khi xét xử.

Tại bản tự khai ngày 03 tháng 5 năm 2018 anh Nguyễn Duy T trình bày: Ngày 06/01/2017, anh trực tiếp ký hợp đồng làm đại lý cho Doanh nghiệp tư nhân T thể hiện theo hợp đồng số: 51/2017/HĐKT-TQM. Anh chấp nhận trả nợ theo yêu cầu của Doanh nghiệp tư nhân T nhưng phải trừ lại phần chiếc khấu cho anh 5.500 đồng/kg. Khoản nợ này anh xác định không có liên quan đến chị Phạm Thị Diệu H, anh tự chịu trách nhiệm thanh toán và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 07/6/2018 của chị Phạm Thị Diệu H trình bày: Hợp đồng làm đại lý cho Doanh nghiệp tư nhân T là do anh Nguyễn Duy T trực tiếp ký và thực hiện, chị xác định không có liên quan nên chị không có trách nhiệm thanh toán.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Mặc dù, tranh chấp giữa Doanh nghiệp tư nhân T với anh Nguyễn Duy T và chị Phạm Thị Diệu H phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại nhưng anh T và chị H không có đăng ký kinh doanh nên vụ việc tranh chấp theo yêu cầu của Doanh nghiệp tư nhân T được Tòa án nhân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết bằng vụ án dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Nguyễn Duy T và chị Phạm Thị Diệu H có đơn vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T và chị H.

[3] Hợp đồng số: 51/2017/HĐKT-TQM ngày 06/01/2017 do đôi bên tự nguyện ký kết, nội dung và hình thức phù hợp với pháp luật nên hợp đồng được xác định là hợp pháp, nay xảy ra tranh chấp Tòa án căn cứ vào những quy định về hợp đồng đại lý theo quy định của Luật Thương mại và những quy định có liên quan của Bộ luật Dân sự để giải quyết.

Hợp đồng số: 51/2017/HĐKT-TQM ngày 06/01/2017 xác định anh Nguyễn Duy T ký kết làm đại lý cho Doanh nghiệp tư nhân T để bán sản phẩm thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú và các loại thuốc thủy sản do Doanh nghiệp tư nhân T kinh doanh nhằm hưởng chênh lệch giá và nhận chiếc khấu nếu thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo thỏa thuận. Căn cứ bản cam kết thanh toán ngày 09/12/2017 thể hiện số tiền gốc anh T ký xác nhận còn nợ Doanh nghiệp tư nhân T là 2.255.785.000 đồng, khoản nợ này chị H cho rằng chị không chịu trách nhiệm vì anh T là người ký hợp đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị H và anh T có mối quan hệ vợ chồng, mặc dù hợp đồng do anh Tài ký nhưng trên thực tế anh T và chị Phạm Thị Diệu H cùng nhau thực hiện và căn cứ vào bản đối chiếu công nợ ngày 28/11/2017 thể hiện chị H là người trực tiếp ký xác nhận với tư cách là người mua nên khoản nợ này được xác định là nợ chung của anh T và chị H, do đó anh T và chị H phải có trách nhiệm thanh toán cho Doanh nghiệp tư nhân T là phù hợp với quy định tại Điều 168 và Điều 175 của Luật Thương mại.

Đôi bên đối chiếu công nợ và xác định số tiền còn phải thanh toán là 2.255.785.000 đồng, theo đó anh T cam kết đến ngày 25/12/2017 trả 500.000.000 đồng, số còn lại đến ngày 30/01/2018 sẽ thanh toán dứt điểm. Anh T đã cam kết thời hạn thanh toán nhưng không thực hiện nên phải chịu lãi suất chậm trả phát sinh theo

yêu cầu của nguyên đơn tính bằng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định đến thời điểm xét xử là 9%/năm, cụ thể được tính như sau:

Từ ngày 25/12/2017, thỏa thuận trả 500.000.000 đồng nhưng không thực hiện và tính đến ngày xét xử là chậm 5 tháng 15 ngày với mức lãi suất cơ bản 9%/năm: 500.000.000 đồng X 9%/năm (0,75%/tháng) X 5 tháng 15 ngày = 20.625.000 đồng.

Từ ngày 30/01/2018, thỏa thuận trả 1.755.785.000 đồng nhưng không thực hiện và tính đến ngày xét xử là chậm 4 tháng 10 ngày với mức lãi suất cơ bản 9%/năm: 1.755.785.000 đồng X 9%/năm (0,75%/tháng) X 4 tháng 10 ngày = 57.063.000 đồng (tình tròn).

Tổng số tiền gốc và tiền lãi chậm trả phía anh T và chị H có trách nhiệm trả cho Doanh nghiệp tư nhân T là: 2.255.785.000 đồng + 20.625.000 đồng + 57.063.000 đồng = 2.333.473.000 đồng. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì chủ doanh nghiệp tư nhân là đương sự trong vụ án nên phần tiền trên buộc anh T và chị H có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị Kiều O là chủ Doanh nghiệp tư nhân T. Ngoài ra, anh T và chị H còn phải chịu lãi suất nếu chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[4] Anh T yêu cầu chiếc khấu lại 5.500 đồng/kg, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng đôi bên xác lập có quy định về chiếc khấu nhưng với điều kiện bên đại lý phải thực đầy đủ nghĩa vụ theo thỏa thuận. Tuy nhiên, trong thời gian thực hiện hợp đồng phía anh T không thanh toán đủ các khoản nghĩa vụ theo cam kết đã được ghi nhận trong hợp đồng nên phần chiếc khấu bên anh T không được nhận. Vì vậy, không thể chấp nhận đối trừ phần chiếc khấu theo yêu cầu của anh được.

[5] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên anh T và chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên tổng số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn: 72.000.000 đồng + 333.473.000 đồng X 2% = 78.669.000 đồng (tính tròn) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Phần tiền tạm ứng án phí của Doanh nghiệp tư nhân T đã nộp được nhận lại.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 168 và Điều 175 của Luật Thương mại, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 228, Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử vắng mặt anh Nguyễn Duy T và chị Phạm Thị Diệu H.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Doanh nghiệp tư nhân T, buộc anh Nguyễn Duy T và chị Phạm Thị Diệu H trả cho bà Trần Thị Kiều O là chủ Doanh nghiệp tư nhân T số tiền nợ gốc còn thiếu và lãi chậm trả là 2.333.473.000 đồng.

Kể từ khi bà Trần Thị Kiều O có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Nguyễn Duy T và chị Phạm Thị Diệu H chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền trên thì hàng tháng anh Tài và chị Hiền còn phải chịu thêm khoản tiền lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch anh Nguyễn Duy T và chị Phạm Thị Diệu H phải chịu 78.669.000 đồng.

Doanh nghiệp tư nhân T đã nộp tạm ứng án phí 38.728.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0014042 ngày 10/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Hải